

Bản án số: **41/2024/HS-ST**  
Ngày 03-4-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Bé

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Mai Thị Kim Dung

Ông Lê Minh Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Luông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1983 tại huyện P, tỉnh Q; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối phố T, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: không; cha: Nguyễn B, sinh năm 1950; mẹ: Đinh Thị K, sinh năm 1952; gia đình bị cáo có 04 người con, bị cáo là con thứ ba; vợ Ưng Thị H, đã ly hôn; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023, chuyển tạm giam ngày 21/12/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Anh Trà Thanh B, sinh năm 1994; trú tại: Khối phố B, thị trấn T, huyện P, tỉnh Q. Có mặt.

+ Anh Nguyễn L, sinh năm 1997; Trú tại: xã B, huyện B, tỉnh N. Vắng mặt.

+ Anh Hồ Văn T, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn 2, xã V, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lê Đức H, sinh năm 1993; Trú tại: Khối phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Hồng P, sinh 1996; Trú tại: Số 211 T, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Văn T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại Bệnh viện Đa khoa Q thuộc khối phố M, phường A, thành phố T vào ngày 06/12/2023 và ngày 14/12/2023, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 06/12/2023, T đi dạo lang thang tại các khoa trong Bệnh viện Đa khoa Q, tìm xem có ai sơ hở hoặc ngủ quên để trộm cắp tài sản. Khi đi đến hành lang của khoa ngoại thần kinh- cột sống, T thấy anh Trà Thanh B (sinh năm 1994, trú tại khối phố B, thị trấn T, huyện P) đang nằm ngủ trên ghế xếp, để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S22 màu trắng, gắn sim số 0988138545 (bị hư góc màn hình bên trái) trên bụng. T liền lén lút đi lại trộm cắp chiếc điện thoại của anh B rồi bỏ đi đến ngủ tại hành lang một khoa khác trong bệnh viện. Đến khoảng 14 giờ ngày 08/12/2023, T đem chiếc điện thoại này đến tiệm điện thoại của anh Lê Đức H (sinh năm 1993, trú: Khối phố 4, phường A, TP. T) ở số 245 H, phường A, TP. T bán được số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua điện thoại của T, ngày 11/12/2023, anh H đã bán lại chiếc điện thoại trên cho một người thanh niên tên Khương (không rõ lai lịch) số tiền 1.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/12/2023, T tiếp tục đi dạo tại các khoa trong Bệnh viện Đa khoa Q để trộm cắp tài sản. Khi đi đến hành lang của khoa ngoại thần kinh – cột sống, thấy anh Nguyễn L (sinh năm 1997, trú: xã B, huyện B, tỉnh N) đang nằm ngủ trên ghế sắt của khoa, trên bụng để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2029, màu xanh đen gắn sim số 0366272149. T lén lút đi lại vị trí anh L nằm lấy trộm chiếc điện thoại cất giấu vào túi quần của mình. Sau đó, T tiếp tục đi lên tầng 2 thì thấy anh Hồ Văn T (sinh năm 1991, trú: Thôn 2, xã V, huyện N) đang nằm ngủ tại ghế đá ngoài hành lang khoa răng- hàm- mặt, bên cạnh để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 11, màu vàng gắn sim số 0328032320. T lén lút đi lại trộm cắp chiếc điện thoại của anh T, cất giấu vào túi quần của mình rồi đi đến ngủ tại khu vực hành lang ở một khoa khác của Bệnh viện Đa khoa Q. Đến trưa ngày 14/12/2023, T đem chiếc điện thoại Realme 11 màu vàng đến tiệm cầm đồ H, số 211 T, phường A, TP. T cầm cho anh Phạm Hồng P (sinh năm 1996) được số tiền 2.000.000đồng; khi đến cầm điện thoại, T nói tên mình là Thành để ghi vào hợp đồng cầm đồ nhằm tránh bị Công an phát hiện, số tiền 2.000.000 đồng T đã tiêu xài cá nhân hết. Còn chiếc điện thoại Vivo V2029, T cất sử dụng đến khi bị Cơ quan CSĐT phát hiện tạm giữ.

*\* Vật chứng tạm giữ:*

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V2029, màu xanh đen; 01 (một) hợp đồng cầm đồ của Dịch vụ cầm đồ H, địa chỉ số T, TP. T.

- Phạm Hồng P giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 11, màu vàng.

Theo kết luận định giá tài sản số 118/KL-HĐĐGTS ngày 18/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Kỳ xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 11, dung lượng 256GB, kiểu máy RMX3636, màu vàng được mua và sử dụng từ tháng 11/2023 trị giá 3.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, kiểu máy V2029, màu xanh đen được mua và sử dụng từ tháng 11/2023 trị giá 1.000.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 119/KL-HĐĐGTS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tam Kỳ xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S22, màu trắng, bị hư góc màn hình bên trái, được mua mới và sử dụng từ tháng 12/2022 trị giá 3.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSTK-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được:*

Vào các ngày 06/12/2023 và 14/12/2023, tại Khoa Ngoại Thần kinh-cột sống và Khoa Răng hàm mặt của Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Q, thuộc khối phố M, phường A,

thành phố T, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 điện thoại di động, gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung S22, màu trắng của anh Trà Thanh B, trị giá 3.500.000; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh-đen của anh Nguyễn L, trị giá 1.000.000đồng và 01 (một) điện thoại di động Realme màu vàng của anh Hồ Văn T, trị giá: 3.500.000đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Văn T chiếm đoạt là 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự hiện hành, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, Cáo trạng số 40/CT-VKSTK-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nhiều lần xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm để giáo dục bị cáo cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo thực hiện hai lần hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.3] *Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2.4] *Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và các vấn đề liên quan khác:*

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2029, màu xanh đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 11, màu vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Nguyễn L và anh Hồ Văn T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ H, địa chỉ: T, phường A, thành phố T, tỉnh Q có nội dung thể hiện giao dịch cầm cố điện thoại giữa anh Phạm Hồng P và bị cáo để đảm bảo giải quyết vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung S22, màu trắng, sau khi mua của bị cáo Nguyễn Văn T, anh Lê Đức H đã bán lại cho một người thanh niên tên Khương không rõ lai lịch, không có cơ sở truy tìm nên không đề cập xử lý.

- Đối với sim số 0366272149 của anh Nguyễn L, sim số 0328032320 của Hồ Văn T, sim số 0988138545 của anh Trà Thanh B. Bị cáo Nguyễn Văn T khai sau khi chiếm đoạt được các điện thoại nêu trên, bị cáo T đã tháo sim và vứt đi nhưng không nhớ rõ vứt ở vị trí nào nên không truy tìm được. Hiện nay các anh Nguyễn L, Hồ Văn T, Trà Thanh B đã làm lại sim mới và sử dụng, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Phạm Hồng P, Lê Đức H đã cầm cố điện thoại do bị cáo phạm tội mà có nhưng anh P, anh H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý

- Anh Phạm Hồng P yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền cầm cố điện thoại là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Xét thấy, anh Phạm Hồng P đã cầm cố xe do bị cáo mang đến, không biết là tài sản do phạm tội mà có và đã đưa số tiền trên cho bị cáo. Đây là giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật nên vô hiệu. Do đó, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh P số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

#### [2.5] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn L, anh Hồ Văn T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

- Anh Trà Thanh B yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường giá trị chiếc điện thoại di động hiệu Samsung S22 bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Xét thấy yêu cầu này là có cơ sở, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Thái phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136, 107, Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 117, 123, 131, 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **09 (chín)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2023.

3. Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Hồng P số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng. Bồi thường thiệt hại giá trị tài sản cho anh Trà Thanh B số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa hoàn trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 hợp đồng cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Hồng Pháp, địa chỉ: 211 T, phường A, thành phố T, tỉnh Q có nội dung thể hiện giao dịch cầm cố điện thoại bị cáo chiếm đoạt được giữa bị cáo và anh Phạm Hồng P.

5. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/4/2024); bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phan Thị Bé**

